

Bản án số: 02/2024/HS - ST
Ngày 13/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ma Thị Thâm

Bà Mã Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân, ông Triệu Xuân T - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm t hụ lý số: 02/2024/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2024 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Lường Văn K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 01 năm 1969 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lường Văn K1, sinh năm 1939, đã chết và bà Lường Thị Q, sinh năm 1941; vợ: Dương Thị M, sinh năm 1966; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, từ ngày 18/7/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Phương B – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P. Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Duy H. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Minh T1. Chức vụ: Trưởng phòng

Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có đơn xin vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Bà Triệu Thị T2, sinh năm 1971. Vắng mặt

2. Bà Phùng Thị O, sinh năm 1970. Vắng mặt

3. Bà Dương Thị L, sinh năm 1985. Vắng mặt

4. Bà Mã Thị L1, sinh năm 1975. Vắng mặt

5. Bà Dương Thị K2, sinh năm 1980. Vắng mặt

6. Ông Dương Văn P, sinh năm 1980. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất rừng sản xuất, thuộc trạng thái rừng tự nhiên hỗn giao gỗ - tre nứa núi đất (HG1) tại lô 19, lô B, khoảnh 19, tiểu khu B thuộc thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn do Lường Văn K và bà Dương Thị M, sinh năm 1966 quản lý, sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất LNH00050/QĐ số 405 ngày 24/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện P. Do có nhu cầu phát phá rừng lấy đất để trồng cây gỗ mỡ, trong khoảng thời gian từ ngày 12/4/2023 đến ngày 16/4/2023, K đã hủy hoại 9.603 m² rừng tự nhiên sản xuất tại thửa đất nêu trên, tổng số lâm sản bị hủy hoại, gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII có khối lượng 23.771m³ và 60 cây vầu, cụ thể:

Ngày 11/4/2023, Lường Văn K đi đến Chợ phiên xã C, huyện P thì gặp một người đàn ông, không quen biết (người dân tộc Mông). Qua nói chuyện, hỏi thuê người đàn ông phát rừng thuê cho mình, người đàn ông đồng ý và gọi thêm ba người gồm một người nữ giới và hai người nam giới cùng tham gia phát phá cùng. Trong ngày 11/4/2023, K dẫn bốn người trên đến chỉ vị trí rừng cần phát phá, thỏa thuận chặt phát hết những cây thân gỗ, cây vầu, bụi cây, chỉ để lại những cây gỗ có thân cây thẳng đứng, tiền công là 2.500.000 đồng, sau khi đã thỏa thuận, K đi về nhà. Ngày 16/4/2023, K đến rừng để kiểm tra, thấy rừng đã được phát phá như yêu cầu của mình và đưa số tiền 2.500.000 đồng cho người đàn ông như đã thỏa thuận.

Khoảng một tuần sau, K dùng bật lửa gas của mình đốt cháy hết rừng đã phát phá và thuê bà Triệu Thị T2, sinh năm 1971, Phùng Thị O1, sinh năm 1970,

Dương Thị L, sinh năm 1985, Mã Thị L1, sinh năm 1975, Dương Thị K2, sinh năm 1980 và ông Dương Văn P, sinh năm 1980, cùng trú tại thôn N, xã C, huyện P trồng cây gỗ mỡ trên đất, khi vừa trồng được khoảng một nửa diện tích rừng phát phá thì bị Kiểm huyện P kiểm tra phát hiện, chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P giải quyết.

Tiến hành điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai của bị cáo, người liên quan, yêu cầu định giá tài sản.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 25/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P xác định: Hiện trường rừng bị hủy hoại là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên hỗn giao tre nứa - gỗ, núi đất (HG1) theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng được phê duyệt tại Quyết định số 1794 ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Vị trí tại Lô A, Lô B, khoảnh 19, tiểu khu B thuộc thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, diện tích rừng bị hủy hoại 9.603 m². Trên bề mặt hiện trường có nhiều mùn màu đen hình thành do đốt cháy, nhiều gốc, thân, cành cây nằm rải rác, ngổn ngang theo nhiều hướng. Một số cây gỗ, thân cây gỗ bị cháy nham nhỡ phần vỏ, các cây bị chặt có vết cắt nham nhỡ, có vết sắc gọn và rải rác có nhiều cây gỗ mỡ mới trồng có kích thước cao từ 0,20 đến 0,25 cm. Rải rác có 60 gốc cây vầu bị cháy đen sát mặt đất, một số thân cây vầu bị cháy đen không còn giá trị sử dụng; 78 gốc cây với nhiều kích thước khác nhau; 84 cây bị cưa đổ chưa cắt khúc; 10 cành và 85 cây gỗ chưa bị chặt, trong đó có 15 cây còn sống và 70 cây đã chết. Tổng số lâm sản bị thiệt hại, gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII có khối lượng là 23.771m³.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân huyện P kết luận: Tại thời điểm tháng 4 năm 2023, 70 cây gỗ đứng đã chết, chưa bị chặt hạ, khối lượng gỗ tròn 13,880m³ trị giá 7.634.000 đồng; 78 gốc cây, khối lượng gỗ tròn 1,168m³ trị giá 642.400 đồng; 84 cây gỗ bị cưa đổ chưa cắt khúc, khối lượng gỗ tròn 8,044m³ trị giá 4.424.200 đồng; 10 cành cây, khối lượng gỗ tròn 0,679 m³ trị giá 373.450 đồng; 60 cây vầu có đường kính gốc trung bình nhỏ nhất 2,5cm, chiều dài 5,5 mét và cây có đường kính gốc trung bình lớn nhất 05cm, chiều dài 7,5 mét có trị giá 90.000 đồng. Tổng trị giá của cây gỗ và cây vầu là 13.164.050 đồng.

Bị cáo Lường Văn K khai nhận: Khu rừng của bị cáo đều thuộc nhóm gỗ không có giá trị về kinh tế, do vậy mới nảy sinh ý định phát phá những cây rừng để trồng cây gỗ mỡ. Khi phát phá rừng có để lại những cây có thân cây thẳng đứng, số cây này đã bị chết do bị cáo đốt rừng cháy, chỉ còn một số ít cây còn sống. Quá trình phát phá rừng, bị cáo không trực tiếp giám sát nên không biết các đối tượng sử dụng dụng cụ gì để phát phá rừng, bị cáo không xin phép cơ quan

nhà nước có thẩm quyền, không bàn bạc với ai trong gia đình và không bị ai tác động mà tự ý thuê bốn người không quen biết phát phá rừng. Diện tích rừng trước khi phá phá không được thiết kế trồng rừng, đều có các cây thân gỗ, cây vầu, cây bụi và dây leo đều đang sống và mọc kín, một số nơi cây mọc thưa, tán của các cây thân gỗ che kín diện tích mặt đất khi đứng dưới gốc cây. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để khắc phục hậu quả.

Vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án:

Tổng 70 cây gỗ đứng đã chết, có khối lượng gỗ tròn 13,880m³; 78 gốc cây có khối lượng gỗ tròn 1,168m³; 84 cây gỗ bị cưa đổ chưa cắt khúc có khối lượng gỗ tròn 8,044m³; 10 cành cây gỗ có khối lượng gỗ tròn 0,679 m³ được giao cho UBND xã C và H huyện P quản lý.

Đối với dụng cụ mà các đối tượng sử dụng để huỷ hoại rừng cho bị cáo và chiếc bật lửa gas mà bị cáo sử dụng để đốt rừng, quá trình điều tra không thu giữ được

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự UBND huyện P yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền 2.000.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về kết quả khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản và việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSPN ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố đối với Lương Văn K theo quy định tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự về tội “*Tội huỷ hoại rừng*”. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm trong phân luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn K phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Về vật chứng tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước tổng 70 cây gỗ đứng đã chết, có khối lượng gỗ tròn 13,880m³; 78 gốc cây có khối lượng gỗ tròn 1,168m³; 84 cây gỗ bị cưa đổ chưa cắt khúc có khối lượng gỗ tròn 8,044m³; 10 cành cây gỗ có khối lượng gỗ tròn 0,679 m³. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền 2.0000.000 đồng.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

* Người bào chữa cho bị cáo nhận thấy việc xét xử bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm bồi thường thiệt hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

* Nguyên đơn dân sự có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền 2.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị M, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Do có nhu cầu của gia đình, bị cáo đã có hành vi phát phá rừng để trồng cây gỗ mỡ, nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/4/2023 đến ngày 16/4/2023, Lương Văn K đã hủy hoại 9.603 m² đất rừng sản xuất, thuộc trạng thái là rừng tự nhiên tại lô 19, lô B, khoảnh 19, tiểu khu B thuộc thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Tổng số lâm sản từ nhóm VI đến nhóm VIII bị hủy hoại có khối lượng 23.771m³ và 60 cây vầu có tổng trị giá là 13.164.050 đồng.

[3] Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, làm gia tăng tình hình tội phạm về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong khi bị cáo có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên cũng hạn chế về nhận thức pháp luật, vì vậy khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Lương Văn K sinh ra tại huyện P, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do. Từ ngày 12/4/2023 đến ngày 16/4/2023 có hành vi hủy hoại 9.603 m² đất rừng sản xuất, ngày 18 tháng 7 năm 2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P khởi tố bị can, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tự nguyện nộp một khoản tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác nặm nhằm bồi thường thiệt hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn

đảm bảo giáo dục, cải tạo được bị cáo, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo, cho bị cáo được giáo dục, thử thách tại địa phương để bị cáo có điều kiện cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về hình phạt bổ sung và án phí: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có đơn xin vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 2.000.000^d, bị cáo nhất trí bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền theo yêu cầu. Xét thấy việc thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền là 2.000.000^d (Hai triệu đồng) vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm bồi thường thiệt hại. Căn cứ vào sự thỏa thuận của bị cáo với người đại diện của nguyên đơn dân sự tại phiên tòa, cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy bản cáo trạng số 02/CT-VKSPN ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố đối với Lương Văn K theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự về tội “*Tội hủy hoại rừng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[8] Về các nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa gồm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự, xử phạt đối với bị cáo Lương Văn K mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; về hình phạt bổ sung và án phí không áp dụng; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Xét nội dung đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét chấp nhận.

[10] Về vật chứng của vụ án:

Tổng 70 cây gỗ đứng đã chết, có khối lượng gỗ tròn 13,880m³; 78 gốc cây có khối lượng gỗ tròn 1,168m³; 84 cây gỗ bị cưa đổ chưa cắt khúc có khối lượng gỗ tròn 8,044m³; 10 cành cây gỗ có khối lượng gỗ tròn 0,679 m³. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã giao cho Ủy ban nhân dân xã C phối hợp với Hạt

Kiểm lâm huyện P quản lý. Đây là tài sản của nhà nước do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, về giá trị thiệt hại giữa bị cáo và nguyên đơn dân sự đã thỏa thuận mức bồi thường. Do đó số vật chứng này cần được tịch thu, hóa giá để sung công quỹ nhà nước.

Đối với dụng cụ mà các đối tượng sử dụng để huỷ hoại rừng cho bị cáo và chiếc bật lửa gas mà bị cáo sử dụng để đốt rừng, quá trình điều tra không thu giữ được nên không xử lý.

Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về các nội dung khác:

Đối với các đối tượng trực tiếp huỷ hoại rừng do bị cáo thuê, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch và trong quá trình bị cáo thuê phát rừng, bị cáo không nói cho biết rừng không được thiết kế trồng rừng, do vậy không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Triệu Thị T2, Phùng Thị O1, Mã Thị L1, Dương Thị L, Dương Thị K2 và ông Dương Văn P được bị cáo thuê trồng cây gỗ mỡ sau khi rừng bị huỷ hoại, tuy nhiên không biết rừng bị cáo huỷ hoại chưa được thiết kế trồng rừng, do vậy không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Lường Văn K phạm tội “Huỷ hoại rừng”

[2]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Xử phạt bị cáo Lường Văn K 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 13/3/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện của nguyên đơn dân

sự:

Buộc bị cáo Lương Văn K phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn với số tiền thỏa thuận là 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

Tạm giữ số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000780, ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước các vật chứng gồm:

Tổng 70 cây gỗ đứng đã chết, có khối lượng gỗ tròn 13,880m³; 78 gốc cây có khối lượng gỗ tròn 1,168m³; 84 cây gỗ bị cưa đổ chưa cất khúc có khối lượng gỗ tròn 8,044m³; 10 cành cây gỗ có khối lượng gỗ tròn 0,679 m³ .

(Số lượng, khối lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

[7]. Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)

- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người đại diện của nguyên đơn dân sự (01b)
- Người bào chữa. (01b)
- UBND xã Cổ Linh (khi có hiệu lực)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Đại